

Bảng cân đối kế toán	
Tổng tài sản	100%
Tổng nợ	100%
Bảng lợi nhuận	
Lợi nhuận trước thuế	100%
Lợi nhuận sau thuế	100%
Bảng dòng tiền	
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	100%
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	100%
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đã được soát xét*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 26
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Alphanam Cơ điện tiền thân là Công ty TNHH Alphanam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 08 năm 1995, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 02 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi vốn điều lệ.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 120.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Sản xuất và kinh doanh sơn, bột bả và vật liệu xây dựng.

Ngoài ra, Công ty không có hoạt động nào khác làm thay đổi chức năng kinh doanh đã được cấp phép.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 26).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch	Thời giữ chức ngày 14 tháng 5 năm 2011
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2011
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Ủy viên	
Ông Nguyễn Duy Phương	Ủy viên	
Ông Nguyễn Trần Đại	Ủy viên	
Ông Lâm Sơn Tùng	Ủy viên	
Ông Tetsuji Nagata	Ủy viên	
Bà Âu Thiên Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 5 năm 2011

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Duy Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trần Đại	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đàm Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2011
Ông Lê Văn Đạt	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn



Số: 163/2011/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện được lập ngày 06 tháng 8 năm 2011 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được soát xét, kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội (A&C) với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Bùi Ngọc Hà
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lan
Chứng chỉ KTV số: 0300/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	01/01/2011
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		332.347.842.973	291.951.246.346
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		32.863.725.930	46.896.385.954
1.	Tiền	111	V.01	8.122.125.930	6.192.585.954
2.	Các khoản tương đương tiền	112		24.741.600.000	40.703.800.000
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		220.683.873.273	196.055.505.804
1.	Phải thu khách hàng	131		208.676.250.799	183.291.641.408
2.	Trả trước cho người bán	132		13.727.258.830	17.736.858.675
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.02	3.600.231.974	400.529.684
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(5.319.868.330)	(5.373.523.963)
IV.	Hàng tồn kho	140		75.638.921.236	46.823.860.537
1.	Hàng tồn kho	141	V.03	75.638.921.236	46.823.860.537
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.161.322.534	2.175.494.051
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		49.584.743	197.200.415
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		734.303.649	18.832.968
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.04	2.377.434.142	1.959.460.668

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	01/01/2011
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		91.454.180.207	89.738.173.089
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		8.250.429.147	8.854.040.492
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	8.155.724.207	8.733.765.538
	- Nguyên giá	222		16.200.820.913	15.899.952.731
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.045.096.706)	(7.166.187.193)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.06	94.704.940	120.274.954
	- Nguyên giá	228		317.700.000	317.700.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(222.995.060)	(197.425.046)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.07	82.581.800.000	80.311.800.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		72.581.800.000	70.311.800.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		10.000.000.000	10.000.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		621.951.060	572.332.597
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	621.951.060	572.332.597
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		423.802.023.180	381.689.419.435

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	01/01/2011
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		287.509.354.406	248.185.748.107
I.	Nợ ngắn hạn	310		279.071.203.709	241.286.829.065
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	138.687.956.989	92.808.127.729
2.	Phải trả người bán	312		104.005.174.667	64.294.151.422
3.	Người mua trả tiền trước	313		30.253.910.602	76.725.529.869
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	3.877.720.107	5.397.274.637
5.	Phải trả người lao động	315		529.500.295	965.364.404
6.	Chi phí phải trả	316	V.11	1.155.749.327	136.849.327
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	561.191.722	959.531.677
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		8.438.150.697	6.898.919.042
3.	Phải trả dài hạn khác	333		282.222.857	281.917.863
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.13	2.821.089.276	2.732.078.470
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		41.831.800	41.831.800
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		5.293.006.764	3.843.090.909
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		136.292.668.774	133.503.671.328
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	136.292.668.774	133.503.671.328
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.047.363.357	2.700.979.782
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		840.866.910	840.866.910
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13.404.438.507	9.961.824.636
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		423.802.023.180	381.689.419.435

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/6/2011	01/01/2011
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		1.308.915.648	1.362.571.281
5.	Ngoại tệ các loại			
	USD		1.323.437,51	105.193,89
	EUR		115,20	8.249,07
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Hồng

Lê Văn Đạt

Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	229.416.280.404	288.501.445.823
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.02	229.416.280.404	288.501.445.823
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	209.767.324.114	265.705.129.603
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		19.648.956.290	22.796.316.220
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	3.059.227.157	4.377.716.475
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	10.470.410.669	5.607.124.858
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.948.827.224	5.322.103.159
8.	Chi phí bán hàng	24		5.842.076.979	6.248.106.364
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.034.029.801	3.451.828.497
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.361.665.998	11.866.972.976
11.	Thu nhập khác	31		1.795.207.972	421.413.753
12.	Chi phí khác	32		464.485.022	122.498.276
13.	Lợi nhuận khác	40		1.330.722.950	298.915.477
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.692.388.948	12.165.888.453
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.06	1.249.775.077	3.048.972.113
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		3.442.613.871	9.116.916.340

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Bùi Hoàng Tuấn

Bùi Thị Hồng

Lê Văn Đạt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	4.692.388.948	12.165.888.453
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định	02	904.479.527	503.935.163
-	Các khoản dự phòng	03	(53.655.633)	-
-	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	89.010.800	(1.533.129.679)
-	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(231.191.131)	(454.760.705)
-	Chi phí lãi vay	06	8.948.827.224	5.322.103.159
3.	<i>Lợi nhuận/(lỗ) từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	14.349.859.735	16.004.036.391
-	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(25.579.020.538)	(34.262.841.204)
-	(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(28.815.060.699)	(21.047.851.995)
-	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(10.403.524.376)	62.012.568.382
-	(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	97.997.209	(51.461.792)
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(8.948.827.224)	(4.852.574.759)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(202.779.438)	(561.649.707)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		117.537.720.846
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(106.783.154.163)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(59.501.355.331)	27.994.791.999
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(300.868.182)	(18.190.476)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	30.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(125.563.771.048)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	96.928.249.048
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.270.000.000)	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	231.191.131	424.760.705
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(2.339.677.051)	(28.198.951.771)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	144.253.991.146	102.325.672.409
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(99.603.844.788)	(78.031.642.696)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.478.904.300)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	44.650.146.358	20.815.125.413
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(17.190.886.024)	20.610.965.641
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	46.896.385.954	21.080.306.064
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3.158.226.000	1.233.664.486
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	32.863.725.930	42.924.936.191

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Bùi Thị Hồng

Lê Văn Đạt

Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây lắp và thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm:

- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp đến 35KV;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, cơ điện (sản xuất lắp ráp tủ bảng điện trung và hạ thế, tủ điều khiển, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, chi tiết cơ khí, phụ tùng linh kiện ngành điện và các sản phẩm cơ khí tiêu dùng khác);
- Sản xuất, lắp đặt thang máy;
- Buôn bán máy móc, thiết bị;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Sản xuất và kinh doanh sơn, bột bả và vật liệu xây dựng.

Ngoài ra, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, một số ngành nghề được cấp phép nhưng trong kỳ kế toán chưa phát sinh tại Công ty bao gồm:

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Sản xuất máy móc và chuyển giao công nghệ các dây chuyền công nghiệp;
- Sản xuất các sản phẩm từ vật liệu Composite (SMC);
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;
- Xây dựng và lắp đặt các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong các khu công nghiệp, đô thị;
- Đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà;
- Giải phóng mặt bằng tổ chức san nền mặt bằng các khu vực dân dụng, công nghiệp;
- Xúc tiến thương mại và quảng cáo;
- Buôn bán và sửa chữa ô tô;
- Thiết kế tổng thể mặt bằng, kiến trúc, nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng công nghiệp;
- Thiết kế quy hoạch các công trình;
- Thiết kế phong cảnh, sân vườn (chỉ thiết kế trong phạm vi chứng chỉ cho phép);
- Tư vấn dự án, lập dự án.
- Cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất;
- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;
- Cho thuê: xe ô tô, phương tiện vận chuyển.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận trên Báo cáo tài chính theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 7 năm
- Phương tiện vận tải	6 – 8 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 5 năm
- Phần mềm máy vi tính	3 – 5 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước chi liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí khác phát sinh liên quan đến nhiều niên độ kế toán.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh

doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên Bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế suất thuế TNDN được áp dụng theo quy định hiện hành là 25%.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Tiền mặt	805.272.043	143.985.770
- Tiền gửi ngân hàng	7.316.853.887	6.048.600.184
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	<u>8.122.125.930</u>	<u>6.192.585.954</u>

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu của người lao động	-	-
- Phải thu khác	3.600.231.974	400.529.684
+ Công ty TNHH ABB	1.170.000.000	-
+ Công ty Cổ Phần Alphanam	2.000.000.000	-
+ Khác	430.231.974	400.529.684
Cộng	<u>3.600.231.974</u>	<u>400.529.684</u>

03. Hàng tồn kho

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	59.161.217.146	30.870.400.595
- Thành phẩm	235.151.310	610.618.646
- Hàng hoá	16.242.552.780	15.925.598.851
- Hàng gửi đi bán	-	324.190.500
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>75.638.921.236</u>	<u>46.823.860.537</u>

04. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	15.379.725	15.379.725
- Tạm ứng	1.145.025.591	177.505.930
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.217.028.826	1.766.575.013
Cộng	<u>2.377.434.142</u>	<u>1.959.460.668</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	1.844.859.069	12.061.035.619	915.549.003	15.899.952.731
- Mua trong kỳ	-	-	-	300.868.182	300.868.182
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.078.509.040	1.844.859.069	12.061.035.619	1.216.417.185	16.200.820.913
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	1.385.542.755	3.866.569.199	835.566.199	7.166.187.193
- Khấu hao trong kỳ	-	230.961.354	605.954.874	41.993.285	878.909.513
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.078.509.040	1.616.504.109	4.472.524.073	877.559.484	8.045.096.706
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	459.316.314	8.194.466.420	79.982.804	8.733.765.538
2. Tại ngày cuối kỳ	-	228.354.960	7.588.511.546	338.857.701	8.155.724.207

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 4.897.123.558 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là: 6.411.028.897 đồng và 5.547.026.244 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng vay số 722/TD ngày 17/5/2010 của Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	317.700.000	-	317.700.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	317.700.000	-	317.700.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	197.425.046	-	197.425.046
- Khấu hao trong kỳ	25.570.014	-	25.570.014
- Tăng khác	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	222.995.060	-	222.995.060
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	120.274.954	-	120.274.954
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	94.704.940	-	94.704.940

07. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a- Đầu tư vào công ty con				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương Mại Đông Á	1.164.760	72.581.800.000	1.081.720	70.311.800.000
b- Đầu tư dài hạn khác				
- Đầu tư cổ phiếu	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
+ Công ty CP Viễn thông Thăng Long (TLC)	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Cộng	2.164.760	82.581.800.000	2.081.720	80.311.800.000

08. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2011	01/01/2011
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	315.618.724	357.611.066
- Chi phí sửa chữa tài sản	240.661.340	204.863.556
- Chi phí trả trước dài hạn khác	65.670.996	9.857.975
Cộng	621.951.060	572.332.597

Đơn vị tính: VND

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
09. Vay và nợ ngắn hạn		
- Vay ngắn hạn ngân hàng	137.984.555.013	88.635.981.329
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	137.984.555.013	88.635.981.329
- Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	2.800.000.000
+ Công ty Cổ phần DV & TM Đông Á	-	2.800.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả	703.401.976	1.372.146.400
Cộng	<u><u>138.687.956.989</u></u>	<u><u>92.808.127.729</u></u>
10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.703.589.459
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	102.494.966	18.832.968
- Thuế xuất, nhập khẩu	46.596.741	(1.213.654)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.697.434.078	2.650.438.439
- Thuế thu nhập cá nhân	31.194.322	25.627.425
Cộng	<u><u>3.877.720.107</u></u>	<u><u>5.397.274.637</u></u>
11. Chi phí phải trả		
	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
- Chi phí khác	1.155.749.327	136.849.327
+ Chi phí vận chuyển	893.080.000	-
+ Chi phí thuê nhà xưởng	84.000.000	-
+ Khác	178.669.327	136.849.327
Cộng	<u><u>1.155.749.327</u></u>	<u><u>136.849.327</u></u>
12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		
	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Kinh phí công đoàn	346.101.101	251.166.423
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	215.090.621	708.365.254
Cộng	<u><u>561.191.722</u></u>	<u><u>959.531.677</u></u>
13. Vay và nợ dài hạn		
	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Vay dài hạn	2.821.089.276	2.732.078.470
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội(*)	2.821.089.276	2.732.078.470
- Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u><u>2.821.089.276</u></u>	<u><u>2.732.078.470</u></u>

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội để mua sắm TSCĐ, được đảm bảo bằng việc thế chấp TSCĐ hình thành từ vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	2.858.310.812	328.653.771	6.229.774.994	129.416.739.577
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	10.244.262.781	10.244.262.781
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	512.213.139	(512.213.139)	-
- Chia cổ tức năm 2009 bằng tiền	-	-	-	(5.960.000.000)	(5.960.000.000)
- Cổ tức năm 2009 chưa trả	-	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	(2.858.310.812)	-	-	(2.858.310.812)
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm trước	-	2.700.979.782	-	-	2.700.979.782
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	2.700.979.782	840.866.910	9.961.824.636	133.503.671.328
Số dư đầu năm nay					
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	3.442.613.871	3.442.613.871
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	(2.700.979.782)	-	-	(2.700.979.782)
- Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ này	-	2.047.363.357	-	-	2.047.363.357
Số dư cuối kỳ này	120.000.000.000	2.047.363.357	840.866.910	13.404.438.507	136.292.668.774

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆNSố 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi **Thị Xuân**, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	120.000.000.000	120.000.000.000
Cộng	<u>120.000.000.000</u>	<u>120.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	6.000.000.000

d. Cổ phiếu

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/6/2011</u>	<u>01/01/2011</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	840.866.910	840.866.910
Cộng	<u>840.866.910</u>	<u>840.866.910</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>
- Doanh thu bán hàng (*)	96.016.133.991	167.368.652.709
- Doanh thu xây lắp công trình	133.400.146.413	121.132.793.114
Cộng	<u>229.416.280.404</u>	<u>288.501.445.823</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

(*) Trong đó:

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
+ Doanh thu bán hàng hóa	92.513.195.427	
+ Doanh thu thành phẩm	3.502.938.564	
Cộng	96.016.133.991	
02. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	229.416.280.404	288.501.445.823
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	-	-
Cộng	229.416.280.404	288.501.445.823
03. Giá vốn hàng bán		
	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	93.135.243.846	164.493.983.624
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.410.522.634	-
- Giá vốn của xây lắp công trình	113.221.557.634	101.211.145.979
Cộng	209.767.324.114	265.705.129.603
04. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	231.191.131	600.352.033
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.533.129.679
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.828.036.026	2.244.234.763
Cộng	3.059.227.157	4.377.716.475
05. Chi phí tài chính		
	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
- Lãi tiền vay	8.948.827.224	5.322.103.159
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.432.572.645	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	89.010.800	285.021.699
Cộng	10.470.410.669	5.607.124.858

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.249.775.077	3.048.972.113
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.249.775.077	3.048.972.113

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011</u>	<u>Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	138.495.770.756	
- Chi phí nhân công	5.176.291.031	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	904.479.527	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.554.332.470	Không áp dụng
- Chi phí khác bằng tiền	2.179.852.979	
Cộng	<u>153.310.726.763</u>	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Thông tin về các bên liên quan:**

1.1 Các bên liên quan có mối quan hệ kinh doanh với Công ty trong năm bao gồm:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha	Công ty con cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và PTHT Vinaconex – Alphanam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Công ty con
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 1.2. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu trong năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Số tiền VND</i>
Công ty Cổ phần Alphanam	Bán hàng hóa	4.381.300
	Mua hàng hóa	8.355.039.240
	Cho vay không tính lãi	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	Bán hàng hóa	39.600.000
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	Mua hàng hóa	1.499.247
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha	Bán hàng hóa	40.557.715
	Mua hàng hóa	18.728.699.206
Công ty Cổ phần Đầu tư và PTHT Vinaconex – Alphanam	Bán hàng hóa	20.389.411.900
	Mua hàng hóa	10.149.539.180
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Thuê văn phòng và các dịch vụ khác	766.585.165
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	Bán hàng hóa	10.526.227.841
	Mua hàng hóa	118.406.277

- 1.3. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, số dư công nợ của Công ty với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Công ty Cổ phần Alphanam	Người mua trả tiền trước	3.208.985.756
	Phải thu khác	2.000.000.000
	Phải trả người bán	494.767.203
Công ty Cổ phần Alphanam Miền Trung	Phải trả người bán	502.744.810
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn	Phải trả người bán	1.156.061.121
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha	Phải trả người bán	34.761.134.544

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM CƠ ĐIỆN

Số 79, Mai Hắc Đế, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền (VND)</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và PTHT Vinaconex – Alphanam	Người mua trả tiền trước Phải trả người bán	1.357.458.634 2.824.526.250
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Phải trả người bán	664.075.651
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	Người mua trả tiền trước	3.255.346.567

02. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét, kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội (A&C).

03. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 và kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Bùi Thị Hồng

Kế toán trưởng

Lê Văn Đạt

Hà Nội, ngày 06 tháng 8 năm 2011

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn